

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2026
(Đính kèm Quyết định số: **31** /QĐ-BVTM ngày 27/01/2026 của Bệnh viện Tim Mạch An Giang)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
1	Brilinta	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	VN-19006-15	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	60.000	15.873	952.380.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	730/QĐ-BVTM
2	Diamicron MR 60mg	Gliclazide	60mg	Uống	Viên nén phóng thích có kiểm soát	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	VN-20796-17	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	130.000	5.126	666.380.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	730/QĐ-BVTM
3	Nebilet	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vi x 14 viên	36 tháng	VN-19377-15	Berlin Chemie AG (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Berlin Chemie AG)	Đức (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng: Đức)	Viên	45.000	7.600	342.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	730/QĐ-BVTM
4	Xarelto	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 14 viên	36 tháng	400110400923	Bayer AG	Đức	Viên	2.000	58.000	116.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	730/QĐ-BVTM
5	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	36 tháng	VN-17521-13	CSSX: Merck Healthcare KGaA; CSDG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSDG: Áo	Viên	45.000	4.290	193.050.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	730/QĐ-BVTM
6	Clopalvix	Clopidogrel (tương đương clopidogrel bisulfat 97,86mg)	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 05 vi x 14 viên	36 tháng	893110657224	Công ty cổ phần dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.000.000	378	756.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	165/QĐ-TTMS
7	Omeprazole Normon 40mg	Omeprazole (dưới dạng Omeprazole Sodium)	40mg	Tiêm truyền	Bột đông khô pha dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	24 tháng	840110010724	Laboratorios Normon S.A.	Spain	Lọ	3.185	30.900	98.416.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC ĐẠI NAM HÀ NỘI	165/QĐ-TTMS

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
8	Cerebrolysin	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	215,2mg/ml; 10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm và truyền	Hộp 5 ống 10ml	60 tháng	QLSP-845-15	Cơ sở xuất xưởng: EVER NEURO PHARMA GmbH (Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH - Germany)	Áo	Ống	1.800	109.725	197.505.000	CÔNG TY DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	23/QĐ-BVTM
9	Elitan 10mg/2ml	Metoclopramid	10mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml	60 tháng	VN-19239-15	Medochemie Ltd - Ampoule Iniectionable	Cyprus	Ống	3.000	14.200	42.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	23/QĐ-BVTM
10	Forxiga	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	36 tháng	VN3-37-18	CSSX: AstraZeneca Pharmaceuticals LP; CSĐG và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSĐG và xuất xưởng lô: Anh	Viên	80.000	19.000	1.520.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	23/QĐ-BVTM
11	Glucophage XR 750mg	Metformin	750mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 2 vi x 15 viên	36 tháng	300110016424	Merck Sante s.a.s	Pháp	Viên	450.000	3.677	1.654.650.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	23/QĐ-BVTM
12	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Salmeterol + fluticason propionat	Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Hộp 1 bình 120 liều xịt	24 tháng	840110784024	Glaxo Wellcome S.A.	Spain	Bình xịt	90	210.176	18.915.840	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	23/QĐ-BVTM
13	Brilinta	Ticagrelor	60mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	36 tháng	VN-23103-22	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	10.000	15.873	158.730.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	23/QĐ-BVTM

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
14	Candekern 16mg Tablet	Candesartan	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	24 tháng	840110007724	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	180.000	5.860	1.054.800.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH	23/QĐ-BVTM
15	Gluzitop MR 60	Gliclazid	60mg	Uống	Viên nén tác dụng kéo dài	Hộp 02 vỉ x 30 viên; Hộp 05 vỉ x 30 viên; Hộp 10 vỉ x 30 viên	36 tháng	893110208923	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	750.000	550	412.500.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	23/QĐ-BVTM
16	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	Uống	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110458024	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	750.000	504	378.000.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC VIỆT	23/QĐ-BVTM
17	Entacron 25	Spironolacton	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110541824	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	750.000	1.575	1.181.250.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	23/QĐ-BVTM
18	Pancreas	Amylase + Lipase + Protease	4080IU + 3400IU + 238IU	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-25570-16	Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC	Việt Nam	Viên	18.000	3.000	54.000.000	Công ty cổ phần thương mại dược phẩm PVN	23/QĐ-BVTM
19	Fremedol 650	Paracetamol (acetaminophen)	650mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	VD-36006-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm Fremed	Việt Nam	Viên	105.000	425	44.625.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	23/QĐ-BVTM
20	Relizar 25	Losartan	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110377525	Công ty cổ phần dược phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	1.950.000	1.680	3.276.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM RELIV	23/QĐ-BVTM
21	Betixtin	Betahistin	24mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24 tháng	594110298525	Antibiotice SA	Romania	Viên	600.000	5.616	3.369.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÀ	23/QĐ-BVTM
22	Albutein 25%	Albumin	0,25g/ml (25%)	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 chai 50ml	36 tháng	001410199725 (VN-16274-13)	Grifols Biologicals LLC	Mỹ	Chai	75	987.610	74.070.750	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	23/QĐ-BVTM
23	Actilyse	Alteplase	50mg	Tiêm truyền	Bột đông khô và dung môi để pha dung dịch tiêm truyền	Hộp gồm 1 lọ bột đông khô + 1 lọ nước cất pha tiêm	36 tháng	QLSP-948-16	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Lọ	75	10.830.000	812.250.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	23/QĐ-BVTM
24	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	VN2-605-17	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	7.500	23.072	173.040.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	23/QĐ-BVTM

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
25	Efferalgan	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 10 vỉ x 4 viên	36 tháng	300100011324	UPSA SAS	Pháp	Viên	2.250	2.380	5.355.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	23/QĐ-BVTM
26	Haemostop	Tranexamic acid	250mg/5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 5 ống x 5ml	24 tháng	899110349225 (VN-21943-19)	PT. Novell Pharmaceuticals Laboratories	Indonesia	Ống	150	6.040	906.000	Công ty TNHH Dược phẩm Gigamed	23/QĐ-BVTM
27	Atisaltolin 5 mg/2,5 ml	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Hít	Dung dịch khí dung	Hộp 5 ống x 2,5 ml	36 tháng	893115025424	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	7.500	8.400	63.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VACOPHARM	23/QĐ-BVTM
28	Glucosfine 1000 mg	Metformin	1.000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110050300	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	900.000	446	401.400.000	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	23/QĐ-BVTM
29	Azenmarol 1	Acenocoumarol	1mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ; 6 vỉ; 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110257623	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	90.000	105	9.450.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM
30	Agicardi	Bisoprolol	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ; 4 vỉ; 6 vỉ; 10 vỉ x 10 viên	24 tháng	893110428824	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.800.000	92	165.600.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM
31	Agifuros	Furosemid	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 25 viên	36 tháng	893110255223	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	300.000	83	24.900.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
32	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110429124	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Bình Hòa	Việt Nam	Viên	900.000	300	270.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM
33	Valsgim 80	Valsartan	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	24 tháng	893110146024	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	300.000	530	159.000.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM
34	Luciwif	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ; 5 vỉ; 6 vỉ; 10 vỉ x 10 viên; Hộp 2 vỉ; 4 vỉ; 5 vỉ x 14 viên	36 tháng	893110324100	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm - Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	15.000	840	12.600.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	23/QĐ-BVTM
35	Dafodin	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 6 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100035824	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	450.000	590	265.500.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA	23/QĐ-BVTM
36	Lizetric 10mg	Lisinopril	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên	36 tháng	893110832424 (VD-26417-17)	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên	75.000	1.995	149.625.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHONG HÒA	23/QĐ-BVTM
37	Mannitol	Manitol	20g/100ml (20%, 250ml)	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai 250ml	36 tháng	VD-23168-15	Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	300	19.845	5.953.500	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DƯỢC PHẨM HIỀN MAI	23/QĐ-BVTM
38	Metformin 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 20 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110230800 (VD-33619-19)	Công ty cổ phần dược phẩm TV.Pharm	Việt Nam	Viên	900.000	145	130.500.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	23/QĐ-BVTM

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDCLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
39	Vinrovit 5000	Vitamin B1 + B6 + B12	50mg + 250mg + 5mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 4 lọ + 4 ống dung môi pha tiêm 5ml	Lọ bột: 36 tháng ; Ống dung môi pha tiêm: 60 tháng	893110395523 (VD-24344-16)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	1.800	6.799	12.238.200	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	23/QĐ-BVTM
40	Atorvastatin 40	Atorvastatin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ 100 viên; Hộp 1 lọ 200 viên	36 tháng	893110586324 (VD-33344-19)	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	300.000	420	126.000.000	Công Ty Cổ Phần Dược Medipharco	23/QĐ-BVTM
41	Humec	Diosmectit	3g	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói x 3,76g	36 tháng	893100875124 (VD-22280-15)	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Gói	12.000	1.050	12.600.000	Công Ty Cổ Phần Dược Medipharco	23/QĐ-BVTM
42	Triarocin	Acetyl leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	36 tháng	893100017600 (VD-34152-20)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Boston Việt Nam	Việt Nam	Viên	30.000	2.200	66.000.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BOSTON VIỆT NAM	23/QĐ-BVTM
43	Candesartan 8	Candesartan	8mg	Uống	Viên nén	Hộp 50 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110329500	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	280.000	322	90.160.000	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	23/QĐ-BVTM
44	Tunadimet	Clopidogrel	75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110288623	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	3.000.000	188	564.000.000	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	23/QĐ-BVTM
45	Acetylcystein	Acetylcystein	200mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 300 viên	36 tháng	893100810024	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	22.500	154	3.465.000	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	23/QĐ-BVTM
46	Diaprid 4	Glimepirid	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	36 tháng	893110178324 (VD-25889-16)	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	240.000	915	219.600.000	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	23/QĐ-BVTM
47	Erilcar 5	Enalapril	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	36 tháng	893110312823 (VD-28294-17)	Công ty Cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	210.000	799	167.790.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Vật tư y tế Quang Minh	23/QĐ-BVTM

An Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GĐKLH hoặc GPNK(3)	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính(4)	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên nhà thầu	Quyết định trúng thầu
-----	-----------	---------------	-----------------------	---------------	--------------	----------	------------------------------	--------------------------	-------------------	---------	-------------------	----------	---------	------------	--------------	--------------------------